

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 1125/QĐ-ĐHSPTN2 ngày 12 tháng 6 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

*Tiếng Việt:* Lịch sử Việt Nam

*Tiếng Anh:* History of Vietnam

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Lịch sử Việt Nam

Mã ngành: 8 22 90 13

Tên gọi văn bằng:

+ Tiếng Việt: Bằng Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam.

+ Tiếng Anh: Master's degree in Vietnamese History

Định hướng đào tạo: Định hướng nghiên cứu

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo chuẩn: 02 năm

Vị trí việc làm: làm giảng viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp; làm nghiên cứu viên các viện, trung tâm nghiên cứu; làm giáo viên các trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên; làm chuyên viên, cán bộ nghiên cứu tại các cơ quan, các tổ chức chính trị, đoàn thể có sử dụng kiến thức lịch sử.

Khả năng học tập nâng cao trình độ: có thể tiếp tục học tập ở bậc Tiến sĩ ngành Lịch sử Việt Nam và các chuyên ngành gần.

Thời điểm xây dựng CTĐT: Tháng 6/2024.

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức nền tảng và kỹ năng chuyên sâu, khả năng làm việc độc lập và sáng tạo, có tư duy phản biện, năng lực hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề để triển khai hiệu quả hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực Lịch sử Việt Nam.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã	Mô tả
PO1	Có kiến thức nền tảng, sâu rộng trong lĩnh vực Lịch sử Việt Nam
PO2	Có kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực Lịch sử Việt Nam.
PO3	Có khả năng làm việc độc lập và sáng tạo;
PO4	Có tư duy phản biện trong nghiên cứu và dạy học;
PO5	Có năng lực hợp tác;

PO6	Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực nghiên cứu, quản lí, dạy học ở đại học, trung học;
PO7	Có năng lực triển khai hiệu quả hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực Lịch sử Việt Nam.

## 2. Chuẩn đầu ra

### 2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra		Chỉ số thực hiện
Mã	Mô tả	
<b>(1) Phẩm chất công dân</b>		
PLO1	Mẫu mực trong rèn luyện các phẩm chất căn cốt của con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế	PI1.1. Thể hiện ý thức trách nhiệm cao với bản thân và cộng đồng.
		PI1.2. Đóng góp tích cực vào gìn giữ các nguyên tắc chung của cộng đồng.
		PI1.3. Độc lập và sáng tạo trong khám phá, đề xuất ý tưởng/cách tiếp cận/công nghệ mới.
		PI1.4. Thể hiện tinh thần hợp tác, cầu thị và cầu tiến.
<b>(2) Phẩm chất nghề nghiệp</b>		
PLO2	Thể hiện tư duy, thế giới quan, phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu	PI2.1. Thể hiện tư duy, thế giới quan, phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học Lịch sử.
		PI2.2. Luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam trên cơ sở lý luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.
<b>(3) Năng lực chung</b>		
PLO3	Giao tiếp độc lập, tự tin bằng ngoại ngữ trong môi trường học thuật, công việc và xã hội	PI3.1. Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
<b>(4) Năng lực nghề nghiệp</b>		
PLO4	Khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy	PI4.1. Khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong hoạt động nghiên cứu
		PI4.2. Khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong quản lý hoạt động nghiên cứu và giảng dạy.
PLO5	Vận dụng được kiến thức sâu, rộng, tiên tiến thuộc chuyên ngành Lịch sử Việt	PI5.1. Vận dụng được kiến thức sâu, rộng, tiên tiến thuộc chuyên ngành Lịch sử Việt Nam để giải quyết vấn đề nghiên cứu.

Chuẩn đầu ra		Chỉ số thực hiện
Mã	Mô tả	
	Nam và kiến thức cơ sở của các khoa học liên quan vào hoạt động nghiên cứu.	PI5.2. Phối hợp hợp lý giữa kiến thức chuyên ngành và kiến thức của các khoa học liên quan để giải quyết vấn đề nghiên cứu.
PLO6	Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học	PI6.1. Đề xuất được vấn đề nghiên cứu trên cơ sở những thành tựu, tiến bộ và xu hướng phát triển khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.
		PI6.2. Xây dựng được kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học.
		PI6.3. Vận dụng thành thạo các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết vấn đề nghiên cứu.
PLO7	Phổ biến được kết quả nghiên cứu trong cộng đồng học thuật	PI7.1. Xây dựng được báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học của bản thân.
		PI7.2. Trình bày được kết quả nghiên cứu trước hội đồng khoa học/nhóm học thuật.
PLO8	Quản lý được việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực Lịch sử Việt Nam	PI8.1. Triển khai được cho các nhóm nghiên cứu thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học.
		PI8.2. Tổ chức được các hoạt động sinh hoạt học thuật chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.
		PI8.3. Đánh giá được kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực Lịch sử Việt Nam.

## 2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra		Mục tiêu chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Lịch sử Việt Nam							Tổng
		Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên							
		Kiến thức nền tảng	Kỹ năng chuyên sâu	Khả năng làm việc độc lập và sáng tạo	Tư duy phản biện	Năng lực hợp tác	Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề	Triển khai hiệu quả hoạt động nghiên cứu	
PLO1	PI1.1.			x		x			2
	PI1.2.					x			1
	PI1.3.			x					1
	PI1.4.					x			1
PLO2	PI2.1.	x			x				2
	PI2.2.	x			x				2
PLO3	PI3.1.					x			1
PLO4	PI4.1.		x	x				x	3

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Lịch sử Việt Nam							Tổng
	Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên							
	Kiến thức nền tảng	Kỹ năng chuyên sâu	Khả năng làm việc độc lập và sáng tạo	Tư duy phản biện	Năng lực hợp tác	Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề	Triển khai hiệu quả hoạt động nghiên cứu	
	PI4.2.						x	1
PLO5	PI5.1.	x					x	2
	PI5.2.	x					x	2
PLO6	PI6.1.					x		1
	PI6.2.		x	x		x	x	4
	PI6.3.		x	x		x	x	4
PLO7	PI7.1.		x				x	2
	PI7.2.		x				x	2
PLO8	PI8.1.				x	x	x	4
	PI8.2.		x			x	x	3
	PI8.3.		x				x	2
<b>Tổng:</b>		<b>4</b>	<b>7</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>11</b>

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
<b>I</b>	<b>Kiến thức chung</b>	<b>11</b>
I.1	Bắt buộc	4
I.2	Tự chọn	7
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>14</b>
II.1	Bắt buộc	6
II.2	Tự chọn	8
<b>III</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>23</b>
III.1	Bắt buộc	18
III.2	Tự chọn	5
<b>IV</b>	<b>Luận văn</b>	<b>12</b>
	<b>TỔNG</b>	<b>60</b>

### 4. Chuẩn đầu vào

#### 4.1. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

#### **4.2. Danh mục ngành phù hợp**

Lịch sử, Sư phạm Lịch sử.

#### **4.3. Danh mục ngành phải học bổ sung kiến thức:**

Giáo dục Công dân; Giáo dục Chính trị; Giáo dục Quốc phòng – An ninh; Sư phạm Ngữ văn; Sư phạm Địa lý; Sư phạm Lịch sử - Địa lý; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Mầm non; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Ngôn ngữ học; Văn học; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Chính trị học; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Pháp; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Quan hệ quốc tế; Xã hội học; Nhân học; Tâm lý học; Tâm lý học giáo dục; Địa lý học; Việt Nam học; Quốc tế học; Thông tin thư viện; Báo chí; Nhân học.

**Ghi chú:** ngoài những ngành nêu trên sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể.

### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

#### **5.1. Quy trình đào tạo**

Chương trình đào tạo thực hiện theo phương thức tín chỉ, được tổ chức theo từng năm học và học kỳ. Cụ thể, người học:

- Đăng ký kế hoạch học tập trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, khối lượng tín chỉ tối đa và tối thiểu được phép đăng ký trong mỗi học kỳ tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Hoàn thành các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

- Hoàn thành 03 chuyên đề nghiên cứu, mỗi chuyên đề nghiên cứu có khối lượng 04 tín chỉ.

- Hoàn thành 01 đề tài nghiên cứu trong thời gian ít nhất 06 tháng, kết quả được thể hiện bằng luận văn.

#### **5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Người học được công nhận tốt nghiệp khi:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

## **6. Cách thức đánh giá**

### **6.1. Chiến lược đánh giá**

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

### **6.2. Đánh giá kết quả học tập**

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

#### **6.2.1. Đánh giá học phần**

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần. Điểm học phần được tính từ tổng điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Số lượng điểm thành phần, hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

Kết quả học tập học phần chỉ được xếp loại Đạt khi điểm học phần từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10.

#### **6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ**

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

2. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình cộng có trọng số của các điểm học phần (đã quy đổi theo thang điểm 4) mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét, với trọng số là số tín chỉ của từng học phần.

#### **6.2.3. Đánh giá luận văn**

Luận văn được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng đánh giá luận văn. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá luận văn theo thang điểm 10; Luận văn được xếp loại Đạt khi điểm luận văn lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm.

## 7. Nội dung chương trình

### 7.1. Khung chương trình

TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần học trước(1)/Tiền quyết(2)/Song hành(3)
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
<b>I. Khối kiến thức chung</b>			<b>11</b>						
<b>I.1. Bắt buộc</b>			<b>4</b>						
1	Triết học	PHI 502	4	42	36			122	
<b>I.2. Tự chọn</b>			<b>7</b>						
<b>I.2.1. Nhóm 1: Ngoại ngữ (chọn 1 trong 2 ngoại ngữ sau)</b>			<b>7</b>						
<i>Tiếng Anh</i>			<b>7</b>						
2	Tiếng Anh B2.1	ENG 101	4	30	60			110	
3	Tiếng Anh B2.2	ENG 102	3	30	30			90	(1) ENG101
<i>Tiếng Trung Quốc</i>									
4	Tiếng Trung Quốc 1	CHI 101	4	30	60			110	(1) CHI101
5	Tiếng Trung Quốc 2	CHI 102	3	30	30			90	(1) CHI102
<b>I.2.2. Nhóm 2 (Dành cho lưu học sinh)</b>			<b>7</b>						
6	Tiếng Việt nâng cao	VIE 104	4	45	60			95	
7	Lịch sử, địa lí, văn hóa Việt Nam	VIE 105	3	30	30			90	
<b>II. Khối kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>14</b>						
<b>II.1. Bắt buộc</b>			<b>6</b>						
8	Lí luận sử học và phương pháp NCKH Lịch sử	VHI 201	2	30	30			90	
9	Một số thành tựu mới trong nghiên cứu lịch sử VN	VHI 202	2	15	30			55	
10	Một số thành tựu mới trong nghiên cứu Lịch sử thế giới	VHI 203	2	15	30			55	
<b>II.2. Tự chọn (chọn 4 trong số 10 học phần)</b>			<b>8</b>						
11	Ngoại thương Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XIX	VHI 204	2	15	30			55	
12	Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam	VHI 205	2	15	30			55	

13	Việt Nam và Asean	VHI 206	2	15	30			55	
14	Thế chế chính trị Việt Nam thời trung đại	VHI 207	2	15	30			55	
15	Sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam thời cận đại	VHI 208	2	15	30			55	
16	Lãnh thổ, nhà nước và quyền lực chính trị trong lịch sử Việt Nam (tới giữa thế kỷ XIX)	VHI 209	2	15	30			55	
17	Một số vấn đề về lí luận và phương pháp dạy học bộ môn lịch sử	VHI 210	2	15	30			55	
18	Ứng dụng công nghệ trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông	VHI 211	2	15	30			55	
19	Cách mạng tháng Tám và sự thiết lập chính quyền dân chủ nhân dân ở Việt Nam năm 1945	VHI 212	2	15	30			55	
20	Ngoại giao Việt Nam thời hiện đại (1945-2000)	VHI 213	2	15	30			55	
<b>III. Khối kiến thức chuyên ngành</b>			<b>23</b>						
<b>III.1. Bắt buộc</b>			<b>18</b>						
21	Chuyển biến cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2000	VHI 214	3	30	30			90	
22	Duy tân, cải cách trong lịch sử Việt Nam	VHI 215	3	30	30			90	
23	<i>Chuyên đề nghiên cứu 1: Vấn đề Biển Đông</i>	VHI 216	4	15	30			155	
24	<i>Chuyên đề nghiên cứu 2: Di cư lao động</i>	VHI 217	4	15	30			155	
25	<i>Chuyên đề nghiên cứu 3: Giáo dục Việt Nam thời cận đại</i>	VHI 218	4	15	30			155	
<b>III.2. Tự chọn (chọn 01 học phần 2 tín chỉ và 01 học phần 3 tín chỉ)</b>			<b>5</b>						
26	Đô thị Việt Nam trong lịch sử	VHI 219	3	30	30			90	
27	Lịch sử chống ngoại xâm và những vấn đề về nghệ thuật quân sự Việt Nam	VHI 220	3	30	30			90	
28	Một số vấn đề về kinh tế miền Nam Việt Nam thời kỳ 1955-1975	VHI 221	3	30	30			90	



29	Văn hóa vùng và đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam	VHI 222	3	30	30			90	
30	Vấn đề chấn hưng Phật giáo và ý nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay	VHI 223	2	15	30			55	
31	Chủ quyền của Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa	VHI 224	2	15	30			55	
32	Quan hệ Việt Nam với các nước Đông Bắc Á từ thế kỷ X đến đầu thế kỷ XX	VHI 225	2	15	30			55	
33	Chúa Nguyễn và triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam	VHI 226	2	15	30			55	
<b>IV. Luận văn</b>		VHI 227	<b>12</b>						
<b>TỔNG CỘNG:</b>			<b>60</b>						

### 7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra																			
	PLO1				PLO2		PL O3	PLO4		PLO5		PLO6			PLO7		PLO8			
	PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI1.4	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI8.3	
PHI 502	T				T	T														
ENG 101							T													
ENG 102							T													
CHI 101							T													
CHI 102							T													
VIE 104							T													
VIE 105										T										
VHI 201								T	T			T	T	T						
VHI 202										T	T	T								
VHI 203										T	T	T								
VHI 204			T	T						T	T		T	T						
VHI 205										T	T									
VHI 206	T			T						T	T									

VHI 207		T							T	T								
VHI 208									T	T								
VHI 209									T	T								
VHI 210			T					T	T	T	T							
VHI 211				T					T	T								
VHI 212				T					T	T								
VHI 213									T	T								
VHI 214									T	T								
VHI 215									T	T								
VHI 216									T	T								
VHI 217									T	T								
VHI 218									T	T								
VHI 219									T	T								
VHI 220									T	T								
VHI 221									T	T								
VHI 222									T	T								
VHI 223									T	T								
VHI 224									T	T								
VHI 225			T	T					T	T		T	T					
VHI 226									T	T								
VHI 227												T	T	T	T	T	T	T

## 8. Mô tả tóm tắt các học phần

### 8.1. Triết học

Học phần được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo nhằm bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thể giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; Học phần còn góp phần bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho người học và bổ trợ tri thức, hình thành nền tảng thể giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nghiên cứu các môn khoa học chuyên ngành.

## **8.2. Tiếng Anh B2.1**

Tiếng Anh B2.1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ. Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho học viên khối kiến thức cũng như kỹ năng thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cấp. Bên cạnh đó, học phần giúp học viên rèn luyện và nâng cao kỹ năng phát âm Tiếng Anh. Học phần cũng bước đầu định hướng và giúp học viên làm quen với các định dạng bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ.

## **8.3. Tiếng Anh B2.2**

Tiếng Anh B2.2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ và được giảng dạy sau học phần Tiếng Anh B2.1. Học phần này tiếp tục trang bị cho học viên khối kiến thức mở rộng cũng như kỹ năng thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cấp. Bên cạnh phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, học phần giúp phát triển tư duy phản biện cho học viên thông qua các chủ đề và nhiệm vụ học tập sử dụng tiếng Anh. Học viên cũng được luyện tập, thực thành làm bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra Tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ.

## **8.4. Tiếng Trung Quốc 1**

Môn Tiếng Trung Quốc 1 sử dụng giáo trình tích hợp tổng hợp (giáo trình HSK1 tiêu chuẩn), cung cấp cho người học cách đọc phiên âm, các nét cơ bản và quy tắc cơ bản của cách viết chữ Hán, biết cách viết chữ Hán đúng quy tắc đồng thời có thể giao tiếp đơn giản bằng tiếng Trung. Người học biết cách sử dụng các từ vựng giai đoạn sơ cấp và các hiện tượng ngữ pháp căn bản. Số lượng từ vựng cần nắm được là 300-500 từ theo “*Bộ tiêu chuẩn mới về giảng dạy tiếng Trung Quốc cho người nước ngoài*”.

## **8.5. Tiếng Trung Quốc 2**

Môn Tiếng Trung Quốc 2 sử dụng giáo trình tích hợp tổng hợp các kiến thức (giáo trình HSK2 tiêu chuẩn), thông qua bài khóa, hội thoại và bài tập, sinh viên biết giao tiếp được những chủ đề thông thường trong cuộc sống như: giới thiệu gia đình, sở thích, ngày tháng năm, nơi mình học tập sinh sống. Thông qua môn học này, người học sẽ nắm được các phần ngữ pháp trong tâm, câu đơn, câu phức, các loại bổ ngữ... Học phần Tiếng Trung Quốc 2 là môn học tiếp nối học phần Tiếng Trung Quốc 1 giúp người học củng cố, phát triển kỹ năng và kiến thức. Số lượng từ vựng cần nắm được là 500-1272 từ theo “*Bộ tiêu chuẩn mới về giảng dạy tiếng Trung Quốc cho người nước ngoài*”.

## **8.6. Tiếng Việt nâng cao**

Học phần này giúp học viên nâng cao kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Việt để đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ. Nội dung học phần tập trung tăng cường hệ thống từ vựng, nhất là những thuật ngữ trong lĩnh vực giáo dục, rèn luyện các kỹ

năng đọc, viết, nói và nghe, trong đó, chú ý việc đọc các tài liệu học thuật, viết các báo cáo nghiên cứu và trình bày, trao đổi, thảo luận về một vấn đề nghiên cứu tự nhiên hoặc xã hội.

### **8.7. Lịch sử, địa lý, văn hóa Việt Nam**

Học phần giúp người học hiểu được tiến trình lịch sử, đặc điểm thế giới quan và nhân sinh quan của người Việt Nam, đồng thời trang bị cho người học những kiến thức về vị trí địa lý và lãnh thổ Việt Nam; đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi - biển, đất sinh vật, vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

### **8.8. Lý luận sử học và phương pháp NCKH Lịch sử**

Lý luận sử học và phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong Chương trình đào tạo Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam.

Sau khi hoàn thành môn học này, học viên được trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết sử học bao gồm: phương pháp luận sử học; phương pháp luận về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử xã hội; đối tượng của khoa học lịch sử, chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử; nhận thức lịch sử; các phương pháp nghiên cứu lịch sử; lý thuyết sử liệu học và các nguồn sử liệu lịch sử Việt Nam. Từ đó giúp học viên hiểu rõ nội hàm khái niệm “lịch sử” và “sử học” và có phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khi tiếp cận một vấn đề lịch sử.

### **8.9. Một số thành tựu mới trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam**

Học phần đề cập đến những thành tựu nghiên cứu mới của lịch sử Việt Nam, không trình bày lại những nội dung đã học ở phần thông sử. Những thành tựu mới của lịch sử Việt Nam bao gồm tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, quân sự, xã hội, văn hóa, văn minh... từ thời kỳ nguyên thủy cho đến ngày nay.

Những thành tựu nghiên cứu mới của lịch sử dân tộc được bố cục theo vấn đề, trình tự, hệ thống theo thời gian từ thời kỳ nguyên thủy cho đến nay.

### **8.10. Một số thành tựu mới trong nghiên cứu Lịch sử thế giới**

Sau khi hoàn thành môn học này, người học được trang bị kiến thức những thành tựu mới trong nghiên cứu lịch sử thế giới hiện nay. Một số phương pháp, cách tiếp cận mới trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử thế giới, vấn đề về quá trình trao đổi Columbus; sự phát triển của khoa học công nghệ trong lịch sử cận – hiện đại; những vấn đề về chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thế kỉ XX và những năm đầu thế kỉ XXI; Việt Nam trong mối quan hệ với các nước lớn trong và sau thời kì chiến tranh lạnh.

### **8.11. Ngoại thương Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XIX**

Sau khi hoàn thành môn học này, người học được trang bị kiến thức cơ bản, tổng quát liên quan đến tình hình ngoại thương của Việt Nam với các quốc gia khác trong lịch sử. Trong đó, bao gồm cơ sở nền tảng của mối quan hệ giao thương giữa Việt Nam với các quốc gia trong lịch sử; tình hình ngoại thương của Việt Nam trong các giai đoạn khác nhau;

phân tích được đặc điểm của quan hệ giao thương của Việt Nam; và đánh giá được những vấn đề xoay quanh chúa Nguyễn và nhà Nguyễn trong lịch sử.

#### **8.12. Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam**

Môn học trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh; phân tích, đánh giá những đóng góp to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc của Việt Nam, góp phần vào việc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Thông qua quá trình hoạt động lí luận và tổ chức thực tiễn cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam của Hồ Chí Minh để làm rõ: sự phát triển ngày càng phong phú, đa dạng và sáng tạo tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh – một nhà tư tưởng cách mạng mác – xít sáng tạo; những biến đổi cách mạng vĩ đại của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh.

#### **8.13. Việt Nam và Asean**

Học phần cung cấp những kiến thức về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) bao gồm: quá trình hình thành và phát triển, các mối quan hệ hợp tác xoay quanh chủ thể ASEAN. Học phần cũng làm rõ tiến trình Việt Nam gia nhập ASEAN, mối quan hệ Việt Nam – ASEAN và những đóng góp của Việt Nam trong việc củng cố và phát triển tổ chức ASEAN. Từ đó, người học có những đánh giá đa chiều về vị trí, vai trò của Việt Nam và ASEAN trong mối quan hệ tương tác trên nhiều lĩnh vực đặt trong cấu trúc khu vực và toàn cầu hiện nay.

#### **8.14. Thể chế chính trị Việt Nam thời trung đại**

Thể chế chính trị Việt Nam thời kì trung đại là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam. Môn học này trang bị những vấn đề nội hàm khái niệm, lịch sử nghiên cứu vấn đề, phương pháp tiếp cận... về thể chế chính trị trong lịch sử Việt Nam thời trung đại; Bước đầu giới thiệu cho học viên một số vấn đề chuyên sâu về thể chế chính trị Việt Nam thời trung đại như tổ chức bộ máy nhà nước, luật pháp, hệ tư tưởng...

#### **8.15. Sự chuyển biến của văn hoá Việt Nam thời cận đại**

Sau khi hoàn thành môn học này, người học được trang bị tri thức và cách tiếp cận mới về: Những vấn đề lý thuyết và tổng luận về điều kiện, sự chuyển biến của văn hóa dưới tác động của cuộc tiếp xúc và đụng độ văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam thời cận đại; Tính hiện đại của văn minh phương Tây và chính sách văn hóa mới của người Pháp ở Việt Nam; Bước chuyển biến của văn hóa Việt Nam trong môi trường văn minh phương Tây cưỡng chế; Sự tiếp biến văn hóa phương Tây và sự xuất hiện của những loại hình văn hóa mới trong một số loại hình văn hóa truyền thống. Từ đó góp phần định hướng nhận thức về sự chuyển biến của văn hóa dưới tác động của cuộc tiếp xúc và đụng độ văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam thời cận đại.

### **8.16. Lãnh thổ, nhà nước và quyền lực chính trị trong lịch sử Việt Nam (tới thế kỷ XIX)**

Học phần này cung cấp tri thức và cách tiếp cận mới từ góc độ địa-lịch sử-chính trị về quá trình định hình, mở rộng và xác lập lãnh thổ ở Việt Nam từ đầu cho đến giữa thế kỷ XIX. Quá trình này bao gồm việc xác lập chủ quyền biên giới trên bộ, trên biển và các quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa, cùng với việc hình thành đường biên giới. Song song với đó là sự thay đổi và tiến hóa của nhà nước và quyền lực chính trị ở Việt Nam trong gần hai nghìn năm, từ các nhà nước sơ kỳ (Văn Lang, Âu Lạc) cho tới trước khi người Pháp xâm lược. Quá trình này không chỉ tạo ra hình hài của nước Việt Nam hiện đại với lãnh thổ, với cộng đồng dân tộc, với bản sắc quốc gia thống nhất, đa dạng mà còn thúc đẩy sự phát triển của hệ thống hành chính, tổ chức nhà nước và tri thức quản trị xã hội ở Việt Nam. Các kinh nghiệm về quản lí lãnh thổ, cai trị xã hội, đương đầu với các vấn đề đa dạng tộc người, quản lí các vùng biên... chính là tiền đề và cơ sở để các nhà nước hiện đại trên lãnh thổ Việt Nam nâng cao năng lực quản lí và thúc đẩy việc xây dựng một quốc gia đa dạng, thống nhất, hòa bình, thịnh vượng.

### **8.17. Một số vấn đề về lí luận và PPDH bộ môn Lịch sử**

Nội dung học phần giới thiệu những vấn đề Lý luận chung về PPDHLS: quan niệm về PPDHLS; quá trình dạy học LS ở trường phổ thông, các thành tố cũng như vai trò của các thành tố nói chung, PPDH nói riêng trong việc nâng cao chất lượng quá trình dạy học; hệ thống PPDHLS ở trường phổ thông; khái niệm năng lực và các đặc trưng của dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho người học. Học phần còn chú trọng nội dung nâng cao về lý luận, giới thiệu và hướng dẫn cách thức vận dụng hệ thống mô hình dạy học phát triển năng lực HS: dạy học khám phá, dạy học trải nghiệm, dạy học phân hóa, ứng dụng CNTT trong dạy học; thực hành vận dụng các mô hình khả thi, phù hợp với thực tiễn dạy học lịch sử hiện nay ở trường phổ thông.

### **8.18. Ứng dụng công nghệ trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông**

Nội dung học phần cung cấp, trang bị những kiến thức lý luận và thực tiễn về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử. Cụ thể, môn học cung cấp kiến thức lý luận về ứng dụng CNTT trong DHLS: quan điểm, định hướng, nguyên tắc sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; hướng dẫn người học sử dụng các ứng dụng, phương tiện công nghệ cho quá trình dạy học, từ khâu chuẩn bị bài dạy, triển khai và cải tiến bài dạy; phân tích nội dung chương trình môn lịch sử ở trường trung học. Bên cạnh đó, người học được thực hành thiết kế và triển khai bài dạy cụ thể có sự hỗ trợ của CNTT.

### **8.19. Cách mạng tháng Tám và sự thiết lập chính quyền dân chủ nhân dân ở Việt Nam năm 1945**

Học phần đề cập đến sự thiết lập Chính quyền Dân chủ Nhân dân ở Việt Nam - thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945. Đây là Nhà nước Dân chủ Nhân dân đầu tiên

ở Đông Nam Á, nhà nước “của dân, do dân, vì dân” và là nhà nước tiên bộ nhất trong lịch sử dân tộc.

#### **8.20. Ngoại giao Việt Nam thời hiện đại (1945-2000)**

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước tác động đến quá trình hình thành và phát triển các mối quan hệ ngoại giao của Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2000. Đồng thời phân tích sự chuyển biến trong chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về đường lối ngoại giao từ năm 1945 đến năm 2000. Trên cơ sở đó khái quát những kết quả đạt được cũng như phân tích vị trí, vai trò của ngoại giao trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

#### **8.21. Chuyển biến cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2000**

Môn học giúp cho học viên nhận thức được một cách khách quan, toàn diện và hệ thống về sự biến đổi kinh tế - xã hội của Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến 2000. Các vấn đề được phân tích, nhìn nhận trong mối quan hệ tác động qua lại của các yếu tố khách quan và chủ quan, qua đó thấy được diện mạo biến đổi kinh tế - xã hội của Việt Nam thời kỳ hiện đại.

#### **8.22. Duy tân, cải cách trong lịch sử Việt Nam**

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về xu hướng cải cách, duy tân đất nước qua các giai đoạn cụ thể như: trước năm 1858, cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, công cuộc đổi mới đất nước thời kỳ đổi mới (1986 – nay). Trên cơ sở đó, người học hiểu được đây là một xu hướng tất yếu trong lịch sử Việt Nam nhằm đổi mới tư duy và hành động, đưa đất nước phát triển. Đồng thời, rút ra những bài học về các cuộc cải cách trong lịch sử.

#### **8.23. Chuyên đề nghiên cứu 1: Vấn đề Biển Đông**

Thông qua thực hiện Chuyên đề nghiên cứu, học viên tìm hiểu sâu các vấn đề tranh chấp tại Biển Đông, đồng thời phát triển những năng lực cần thiết để thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Lịch sử Việt Nam. Mỗi học viên lựa chọn 01 chủ đề nghiên cứu liên quan đến vấn đề Biển Đông, thực hiện nghiên cứu chuyên đề dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Kết quả nghiên cứu có thể được phát triển thành luận văn tốt nghiệp.

#### **8.24. Chuyên đề nghiên cứu 2: Di cư lao động**

Thông qua thực hiện Chuyên đề nghiên cứu, học viên tìm hiểu sâu các vấn đề về lý thuyết, quá trình và những tác động của di cư lao động, đồng thời phát triển những năng lực cần thiết để thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Lịch sử Việt Nam. Mỗi học viên lựa chọn 01 chủ đề nghiên cứu liên quan đến vấn đề di cư lao động, thực hiện nghiên cứu chuyên đề dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Kết quả nghiên cứu có thể được phát triển thành luận văn tốt nghiệp.

### **8.25. Chuyên đề nghiên cứu 3: Giáo dục Việt Nam thời cận đại**

Giáo dục Việt Nam thời cận đại nghiên cứu hai hệ thống giáo dục chính: nền giáo dục của Pháp ở Việt Nam và dòng giáo dục yêu nước và cách mạng do những nhà yêu nước tổ chức. Chuyên đề cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về nền giáo dục Việt Nam thời cận đại qua các giai đoạn: 1861 - 1885; 1886 - 1916; 1917 - 1929; 1930 - 1945. Trên cơ sở đó, người học có đánh giá khách quan về sự cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam. Đồng thời rút ra những bài học về công cuộc cải cách giáo dục Việt Nam thời kỳ đổi mới hiện nay.

### **8.26. Đô thị Việt Nam trong lịch sử**

Môn học nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về đô thị Việt Nam trước năm 1945 với những nội dung cơ bản như: nguồn gốc và sự hình thành đô thị; diễn trình lịch sử và các đặc điểm của đô thị Việt Nam; vai trò, tầm quan trọng của đô thị trong việc góp phần hình thành các nền văn minh Việt Nam, trong việc nắm giữ vị trí trung tâm (chính trị, kinh tế, văn hóa) của các vùng miền, địa phương hay quốc gia; vấn đề đô thị hóa trong lịch sử Việt Nam. Việc tìm hiểu về lịch sử của một số đô thị tiêu biểu sẽ giúp cho học viên đánh giá được ý nghĩa của việc nghiên cứu lịch sử đô thị đối với công cuộc xây dựng và phát triển đô thị hiện đại.

### **8.27. Lịch sử chống ngoại xâm và những vấn đề về nghệ thuật quân sự Việt Nam**

Lịch sử chống ngoại xâm và những vấn đề về nghệ thuật quân sự Việt Nam là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam. Môn học này trang bị những vấn đề lý luận về chiến tranh, nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; Bước đầu giới thiệu cho học viên một số vấn đề chuyên sâu về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

### **8.28. Một số vấn đề về kinh tế miền Nam Việt Nam thời kỳ 1955-1975**

Môn học nhằm trang bị cho học viên những hiểu biết cơ bản, toàn diện về tình hình kinh tế miền Nam Việt Nam thời kỳ 1955 -1975. Học viên sẽ hiểu được khái quát về bối cảnh tình hình miền Nam sau Hiệp định Giơnevơ, bối cảnh lịch sử và những diễn biến ở miền Nam thời kỳ 1955 – 1975; kinh tế và đời sống vùng chính quyền Sài Gòn kiểm soát thời kỳ 1955 - 1975; kinh tế và đời sống vùng giải phóng thời kỳ 1955 - 1975.

### **8.29. Văn hoá vùng và đặc trưng văn hoá tộc người ở Việt Nam**

Sau khi hoàn thành môn học này, người học được trang bị tri thức và cách tiếp cận mới về: Những quan điểm, học thuyết khác nhau về văn hóa vùng, văn hóa tộc người trên thế giới và Việt Nam. Khái niệm về văn hóa vùng; sự phân chia các vùng văn hóa ở Việt Nam; các yếu tố tạo nên sự khác biệt của văn hóa vùng. Tộc người, quá trình tộc người và văn hóa tộc người ở Việt Nam. Những đặc trưng cơ bản điển hình của một số vùng văn hóa tiêu biểu ở Việt Nam. Từ đó góp phần định hướng nhận thức về sự thống nhất trong



đa dạng của văn hóa vùng trong quan hệ với văn hóa dân tộc. Sự phát triển của nền văn hoá Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống và hội nhập, tiếp thu những tinh hoa văn hoá mới của thế giới.

### **8.30. Vấn đề chấn hưng Phật giáo và ý nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay**

Phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam. Môn học cung cấp cho người học kiến thức về phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam trong giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX: hoàn cảnh, diễn biến, thành tựu của phong trào chấn hưng Phật giáo. Từ đó phân tích được ý nghĩa, tác động cũng như rút ra được đặc điểm của phong trào chấn hưng Phật giáo.

### **8.31. Chủ quyền của Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa**

Môn học cung cấp cho người học kiến thức về quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Định hướng được cho học viên đi sâu nghiên cứu và có những công bố khoa học mới về các vấn đề liên quan đến biển, đảo trong lịch sử Việt Nam. Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế công tác giảng dạy, nghiên cứu ở cơ quan, đơn vị trong giai đoạn hiện nay.

### **8.32. Quan hệ Việt Nam với các nước Đông Bắc Á từ thế kỷ X đến thế kỷ XX**

Sau khi hoàn thành môn học này, người học được trang bị kiến thức cơ bản, tổng quát liên quan đến mối quan hệ giữa Việt Nam với các quốc gia Đông Bắc Á như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản trong lịch sử. Trong đó, bao gồm cơ sở nền tảng của mối quan hệ giữa Việt Nam với các quốc gia Đông Bắc Á trong lịch sử; đặc điểm các giai đoạn trong mối quan hệ giữa Việt Nam với từng quốc gia quốc gia Đông Bắc Á; đánh giá được triển vọng, cơ hội hợp tác phát triển giữa Việt Nam với các quốc gia Đông Bắc Á dựa trên nền tảng mối quan hệ lâu đời.

### **8.33. Chúa Nguyễn và triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam**

Môn học cung cấp những vấn đề về bối cảnh lịch sử và sự xác lập chính quyền chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn. Từ đó, tìm hiểu những thách thức đặt ra cho chúa Nguyễn và triều Nguyễn trong suốt quá trình tồn tại và phát triển. Môn học cung cấp một số vấn đề về chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam thời Nguyễn, để xem xét con đường phát triển đất nước dưới thời Nguyễn. Trên cơ sở đó, đánh giá những điểm tích cực và hạn chế trong chính sách trị nước của các chúa Nguyễn và triều Nguyễn trong suốt thời gian tồn tại.

### **8.34. Luận văn tốt nghiệp**

Học viên phải thực hiện một đề tài nghiên cứu, kết quả được thể hiện bằng luận văn tốt nghiệp. Luận văn tốt nghiệp là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên; có đóng góp về lý luận, học thuật trong lĩnh vực Lịch sử Việt Nam.

## **9. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo**

### **9.1. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo**

#### **9.1.1. Nhà trường**

- Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.

- Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.

- Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

#### **9.1.2. Phòng Đào tạo**

- Xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên.

#### **9.1.3. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn**

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

#### **9.1.4. Học viên**

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà nước và của Trường.

- Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo.

### **9.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo**

#### **9.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo**

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

#### **9.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo**

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

### 9.2.3. Công bố chương trình đào tạo

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

### 9.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

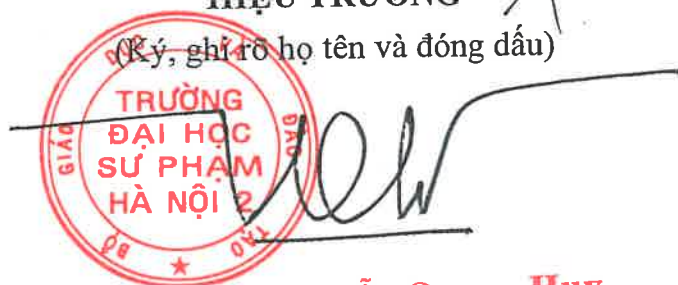
Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Quang Huy

